

## XÂY DỰNG CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Đỗ Thị Thảo<sup>1</sup>, Quách Huyền Trâm<sup>2</sup>, Đỗ Thị Trang<sup>3</sup>, Trần Thị Bích Ngọc<sup>1</sup>,  
Nguyễn Hoài Thương<sup>4</sup> và Nguyễn Công Khanh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,*

<sup>2</sup>*Sinh viên K68 Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

<sup>3</sup>*Học viên cao học K30 Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

<sup>4</sup>*Viện Phát triển Công nghệ Giáo dục Đặc biệt*

**Tóm tắt.** Khó khăn về giao tiếp ở học sinh rối loạn phổ tự kỉ học hòa nhập cấp trung học cơ sở làm cho các em hạn chế trong việc chủ động chào hỏi, tương tác, nói chuyện với các bạn xung quanh. Điều này cản trở rất lớn đến quá trình học tập cũng như hòa nhập của học sinh. Bài báo công bố kết quả nghiên cứu xây dựng 08 hoạt động dựa trên 4 nội dung thực hiện kĩ năng: (1) Chủ động và duy trì cuộc giao tiếp với mọi người; (2) Nhận biết, xử lí các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi; (3) Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp; (4) Mở rộng cuộc trò chuyện và giúp đỡ mọi người. Mỗi nội dung chúng tôi xây dựng minh họa 02 hoạt động giáo dục nhằm giúp học sinh nắm được các bước thực hiện kĩ năng một cách hiệu quả. Kết quả thực nghiệm cho thấy có sự cải thiện đáng kể trong việc thực hiện kĩ năng của các học sinh, với điểm trung bình các trường hợp tăng từ  $M = 1.5$  lên  $M = 2.85$ .

**Từ khóa:** Giáo dục hòa nhập, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng hội thoại, rối loạn phổ tự kỉ, trung học cơ sở.

### 1. Mở đầu

Thiếu hụt trong giao tiếp, tương tác xã hội là một trong những đặc điểm cốt lõi của học sinh rối loạn phổ tự kỉ (RLPTK), điều này ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống học tập, sinh hoạt của các em (Ip, H. H., Wong và cộng sự, 2018). Hiện nay, học sinh RLPTK đang học tại các trường phổ thông, có những trường hợp các em đạt được thành tích học tập cao, có nhiều cơ hội, tiền đề phát huy điểm mạnh của mình (Osos, J.A và cộng sự, 2021). Tuy nhiên, những khó khăn về giao tiếp xã hội và ứng xử là những thách thức đối với quá trình hòa nhập của mỗi học sinh. Vì vậy, các cơ sở giáo dục đang tiến hành ưu tiên giáo dục, can thiệp các kĩ năng xã hội trong các bối cảnh học tập và sinh hoạt hằng ngày (Hart, J. E., & Whalon, K. J, 2011).

*Kĩ năng giao tiếp* là khả năng truyền đạt, trao đổi thông tin, lắng nghe, phản hồi, ứng xử giữa người nói và người nghe nhằm đạt mục đích nhất định, kĩ năng này bao gồm cách thể hiện cảm xúc, nét mặt, hành vi và ngôn ngữ cơ thể trong các tình huống phù hợp (Watkins, L và cộng sự, 2017). Học sinh RLPTK gặp rất nhiều khó khăn trong việc thể hiện kĩ năng giao tiếp (KNGT) và đòi hỏi cần có các biện pháp can thiệp hỗ trợ một cách phù hợp nhất (Watkins và cộng sự, 2017). Các em hạn chế trong việc mở rộng và duy trì các mối quan hệ bạn bè, thường

---

Ngày nhận bài: 2/3/2022. Ngày sửa bài: 26/3/2022. Ngày nhận đăng: 8/4/2022.

Tác giả liên hệ: Đỗ Thị Thảo. Địa chỉ e-mail: thaodt@hnue.edu.vn

sử dụng kiểu giao tiếp kì quặc, khó hiểu và không thể diễn đạt nhu cầu của bản thân và thường xuyên mắc các lỗi giao tiếp quan trọng và nguyên tắc trong khi trò chuyện (Ramdoss, S, 2011). Bên cạnh đó, ở cấp THCS, học sinh RLPTK còn phải đối mặt với rất nhiều thách thức lớn liên quan đến sự tham gia và tương tác xã hội của bạn bè cùng trang lứa (Corona và cộng sự, 2016). Trong quá trình phát triển, những yêu cầu, đòi hỏi về giao tiếp càng tăng cao khiến những thiếu hụt trở nên nghiêm trọng và ảnh hưởng lớn đến cuộc sống sau này của học sinh (Nguyễn Xuân Hải và cộng sự, 2019). Nổi bật là đề tài nghiên cứu “*Các vấn đề quan trọng trong việc tăng cường khả năng giao tiếp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ*”. Các tác giả bắt đầu bằng việc xem xét tầm quan trọng của trọng tâm giao tiếp xã hội và chức năng trong các nỗ lực giáo dục và điều trị và tiến hành so sánh phương pháp tiếp cận chung để nâng cao khả năng giao tiếp. Tiếp theo, xem xét chi tiết các khía cạnh cụ thể có ý nghĩa quan trọng trong việc lập kế hoạch các nỗ lực giáo dục và điều trị thích hợp, tập trung vào các mục tiêu giao tiếp xã hội. Tiến hành thảo luận về các khía cạnh này liên quan đến các cách tiếp cận giáo dục và điều trị được phổ biến rộng rãi được thảo luận trong các tài liệu nghiên cứu và lâm sàng. Đồng thời, nghiên cứu cũng xem xét và thử nghiệm mô hình mới được đề xuất (Prizant, B. M., & Wetherby, A. M, 2005). Bên cạnh đó, nghiên cứu “*Sử dụng mô hình video và câu chuyện xã hội nhằm nâng cao kĩ năng giao tiếp xã hội của trẻ rối loạn phổ tự kỉ chức năng cao*” của tác giả Shukla-Mehta & Callahan K, với mục đích điều tra tác động của các câu chuyện xã hội và mô hình video được trình chiếu trên máy tính đối với KNGT xã hội của ba trẻ em RLPTK chức năng cao/ Asperger (HFA/ AS). Sử dụng thiết kế đa cơ sở giữa những người tham gia, các câu chuyện xã hội và mô hình video do máy tính trình bày đã được thực hiện và các quan sát trực tiếp về các hành vi mục tiêu đã xác định. Nghiên cứu này bổ sung bằng chứng cho thấy can thiệp kết hợp được trình bày qua máy tính có thể là một phương pháp hữu ích để khắc phục những khó khăn về KNGT cho trẻ RLPTK chức năng cao (Shukla-Mehta & Callahan K, 2010).

Hiện nay ở Việt Nam, tại các trường THCS có học sinh RLPTK đã và đang đẩy mạnh các biện pháp nhằm nâng cao KNGT, tương tác xã hội và giải quyết vấn đề cho học sinh RLPTK. Tuy nhiên các hoạt động giáo dục vẫn chưa thực sự được tổ chức bài bản và chưa có kế hoạch hỗ trợ chi tiết từng giai đoạn (Muharib, R, 2019). Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu về “*Xây dựng các hoạt động phát triển kĩ năng giao tiếp cho học sinh rối loạn phổ tự kỉ học hoà nhập cấp trung học cơ sở*”.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

**Tổ chức nghiên cứu:** Chúng tôi tiến hành nghiên cứu qua quy trình các bước thực hiện: (1) Đánh giá mức độ KNGT của học sinh RLPTK; (2) Xây dựng các hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK; (3) Khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của các hoạt động xây dựng; (4) Thực nghiệm sử dụng các hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK và phân tích kết quả sau thực nghiệm.

#### **Phương pháp nghiên cứu:**

- Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi và tiến hành khảo sát 57 GV tại các trường THCS và 46 cha mẹ (CM) HS RLPTK từ lớp 6 đến lớp 9 tại các trường THCS nhằm đánh giá tính cần thiết và khả thi của 08 hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK. Đồng thời, kiểm tra mức độ KNGT của nhóm 04 học sinh RLPTK.

- Nội dung thực nghiệm: Thực nghiệm trên 04 nội dung giáo dục KNGT: (1) Chủ động và duy trì cuộc giao tiếp với mọi người; (2) Nhận biết, xử lí các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi; (3) Chủ động diễn đạt và thể hiện nhu cầu của bản thân bằng lời nói, hành động; (4) Mở rộng cuộc trò chuyện và giúp đỡ mọi người. Trên cơ sở nội dung giáo dục, chúng tôi xây dựng và tổ chức thực

nghiệm 08 hoạt động giáo dục. Đồng thời, thu thập các ý kiến đánh giá của GV và CM về mức độ thực hiện kỹ năng của học sinh RLPTK sau thời gian thực nghiệm.

- Thời gian thực nghiệm: Từ tháng 10/2021 – 3/2022: 40 buổi nhóm (mỗi buổi 60 phút); 54 buổi cá nhân (mỗi buổi 45 phút); sau đó GV quan sát những biểu hiện và mức độ của học sinh, kết hợp những ý kiến đánh giá của CM.

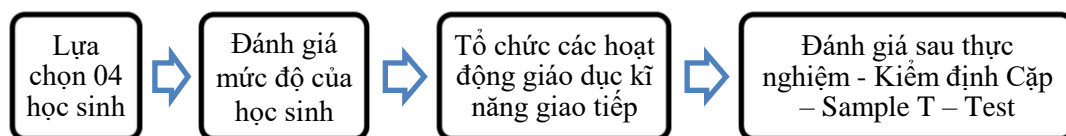
- Tiêu chí đánh giá:

+ Mức độ thực hiện KNGT của học sinh: 03 mức độ, với các số điểm tương ứng như sau: Vận dụng linh hoạt vào các tình huống – 3 điểm; Thực hiện được trong các tình huống quen thuộc – 2 điểm; Hiểu và xử lý được kiến thức liên quan đến tình huống – 1 điểm

+ Đánh giá tính cần thiết và hiệu quả của các hoạt động: 03 mức độ với các số điểm tương ứng như sau: Rất cần thiết/ hiệu quả - 3 điểm; Cần thiết/ít Hiệu quả - 2 điểm; Không cần thiết/không hiệu quả - 1 điểm.

+ Phiếu phỏng vấn dành cho thiếu niên câu hỏi dưới dạng: Có/ Không; Đồng ý/ Không đồng ý và câu trả lời ngắn.

- Cách thức tiến hành thực nghiệm:



Nội dung đánh giá: Đánh giá mức độ KNGT của học sinh RLPTK trước thực nghiệm.

Phương pháp đánh giá: (1) Sử dụng thang đo đã được thiết kế nhằm đánh giá mức độ thực hiện KNGT ở từng lĩnh vực cụ thể; (2) Thu thập các thông tin từ CM, GV nhằm tìm hiểu về khả năng, nhu cầu và những sở thích đặc biệt của các học sinh RLPTK; (3) Quan sát: các giờ học, vui chơi và các hoạt động sinh hoạt của học sinh ở trường và ở nhà.

Đánh giá sau thực nghiệm: Tổng hợp kết quả học sinh đạt được sau 4 tháng thông qua qua thang đo và kết quả đánh giá của GV, CM; Kiểm định Cặp – Sample T – Test nhằm tìm ra sự khác biệt trong các kỹ năng của học sinh RLPTK trước thực nghiệm (TTN) và sau thực nghiệm (STN) bằng cách sử dụng phần mềm SPSS.

Các hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK: Xây dựng các hoạt động giáo dục KNGT hiệu quả, thiết thực nhất, chúng tôi xây dựng hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK dựa trên các nguyên tắc sau: (1) Đảm bảo phù hợp với tính mục đích của giáo dục: Mục đích là yếu tố đầu tiên của xây dựng các hoạt động giáo dục KNGT, có tác dụng định hướng cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc giáo dục KNGT (Muharib, R và cộng sự, 2019); (2) Đảm bảo quy trình, tính kế thừa của các biện pháp: xây dựng và sử dụng các hoạt động GD KNGT cho HS RLPTK học hòa nhập cấp THCS là một quy trình gồm nhiều bước và các giai đoạn. Các bước và giai đoạn cần hỗ trợ cho nhau, giai đoạn trước làm nền tảng cho giai đoạn sau (Hanley, G. P và cộng sự, 2001); (3) Đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm của HS RLPTK học hòa nhập cấp THCS: Cần lựa chọn nội dung hoạt động, phương pháp, thời lượng, hình thức tổ chức cho phù hợp. Đối với học sinh cấp THCS, các em có những thay đổi rõ rệt về đặc điểm tâm, sinh lí, giác quan và các hoạt động thể chất. Vì vậy, trong quá trình xây dựng và tổ chức hoạt động cần lưu ý đến đặc điểm, sở thích của từng học sinh để tổ chức phù hợp nhất (Jed E. Baker, 2003); (4) Đảm bảo phát huy tính tích cực, chủ động của HS RLPTK: với HS RLPTK, việc thiết kế các hoạt động phù hợp với đặc điểm và khả năng, sở thích của các em là vô cùng cần thiết. Điều này sẽ kích thích sự hứng thú, chủ động tham gia hoạt động của các em (Myles, B.S., & Simpson, R.L. 2001); (5) Đảm bảo tính hiệu quả: Trong quá trình xây dựng những hoạt động giáo dục KNGT, cần chú ý đến hiệu quả của các hoạt động trong việc giáo dục KNGT cho học sinh, hiệu quả của

các hoạt động thể hiện trong việc HS RLPTK chủ động và biết cách bắt đầu, duy trì, mở rộng và kết thúc cuộc hội thoại một cách phù hợp trong hoàn cảnh khác nhau và với đối tượng khác nhau (Sue, S, 2002).

*Thông tin về khách thể tham gia thực nghiệm:* Thực nghiệm được tiến hành trên nhóm 04 học sinh RLPTK từ 13 tuổi đến 15 tuổi đang theo học tại các trường hòa nhập trên địa bàn Hà Nội. Học sinh được chẩn đoán bằng thang CARs-2 xác định mức độ tật trước thực nghiệm.

**Bảng 1. Thông tin 04 học sinh tham gia thực nghiệm**

Trường hợp	Họ và tên	Năm sinh	Tuổi	Mức độ rối loạn phổ tự kỷ
Trường hợp 1	V.T.M	2008	14 tuổi	Nhẹ
Trường hợp 2	N.M.Q	2009	13 tuổi	Chức năng cao
Trường hợp 3	V.ĐM	2007	15 tuổi	Nhẹ
Trường hợp 4	N.N.D	2007	15 tuổi	Chức năng cao

Nghiên cứu ban đầu cho kết quả cả 04 trường hợp học sinh RLPTK đều gặp nhiều khó như: chưa biết cách chủ động thực hiện giao tiếp với các bạn; khó khăn khi chào hỏi, nói chuyện với mọi người. Rất rụt rè, hạn chế trong các giao tiếp xã hội.

**Bảng 2. Tổng hợp kết quả thực hiện KNGT của các học sinh trước thực nghiệm**

Trường hợp	Kĩ năng giao tiếp												TB
	Chủ động và duy trì cuộc giao tiếp với mọi người;			Nhận biết, xử lí các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi			Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp			Mở rộng cuộc trò chuyện và giúp đỡ mọi người			
	GV	CM	M	GV	CM	M	GV	CM	M	GV	CM	M	
Trường hợp 1	2	1	1.5	2	1	1.5	2	2	2	1	1	1	1.50
Trường hợp 2	2	2	2	1	1	1	2	2	2	1	2	1.5	1.50
Trường hợp 3	1	2	1.5	1	1	1	2	2	2	2	1	1.5	1.50
Trường hợp 4	2	1	1.5	1	1	1	2	2	2	2	2	2	1.75

## 2.2. Các hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK

Trên cơ sở các khó khăn cơ bản của học sinh RLPTK trong việc thực hiện các nội dung của KNGT, chúng tôi tiến hành xây dựng các hoạt động giáo dục KNGT giúp các em hiểu nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp; tiếp nhận và biểu đạt thông tin, hình thành các mối quan hệ trong trường học. Xây dựng 08 hoạt động dựa trên 4 nội dung chủ yếu: (1) Chủ động và duy trì cuộc giao tiếp với mọi người; (2) Nhận biết, xử lí các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi; (3) Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp; (4) Mở rộng cuộc trò chuyện và giúp đỡ mọi người. Mỗi nội dung được thiết kế 02 hoạt động tương ứng nhằm nâng cao khả năng vận dụng và khái quát kĩ năng của thiếu niên RLPTK.

**Bảng 3. Tóm lược danh sách các hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK**

Nội dung	Hoạt động
Chủ động và duy trì	<b>Hoạt động 1: Chủ động bắt đầu cuộc giao tiếp</b> Bắt đầu cuộc hội thoại bằng cách hỏi các câu hỏi làm quen hoặc hỏi về những

<p>cuộc giao tiếp với mọi người</p>	<p>điều mà bạn và người đó có điểm chung. Hỏi “Bạn đang (làm / chơi/ ăn / ...) gì?”. Nếu các bạn ở cùng một lớp hoặc cùng một nơi, hỏi “Vậy bạn có thích lớp / nơi này không?”</p> <p><b>Hoạt động 2: Duy trì cuộc giao tiếp</b>                  Bối cảnh: đầu giờ học, HS RLPTK đi vào lớp, lại gần bạn cùng bàn HS RLPTK “Chào bạn, bạn khỏe không?”                  HS ngồi cạnh: Tớ khỏe                  HS RLPTK “Bạn đã làm bài tập về nhà chưa?”                  HS ngồi cạnh “Tớ làm xong từ tối qua rồi”                  HS RLPTK (mỉm cười và ngồi vào chỗ)</p>															
<p>Nhận biết, xử lí các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi</p>	<p><b>Hoạt động 3: Nhận biết các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi</b></p> <table border="1" data-bbox="425 623 1329 1324"> <thead> <tr> <th data-bbox="425 623 651 705">Tình huống</th> <th data-bbox="651 623 1225 705">Hình ảnh và âm thanh</th> <th data-bbox="1225 623 1329 705">Bối cảnh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="425 705 651 786">Giới thiệu video</td> <td data-bbox="651 705 1225 786">Cảm ơn là phép lịch sự. Dưới đây là một số tình huống nên nói lời cảm ơn</td> <td data-bbox="1225 705 1329 786"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="425 786 651 1032">Khi đạt được kết quả học tập tốt, được thầy cô và bạn bè cùng lớp chúc mừng</td> <td data-bbox="651 786 1225 1032">Hôm nay A đạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh của trường, thầy cô và bạn bè cùng lớp chúc mừng A. Cô giáo chủ nhiệm nói với A “Bức tranh của em rất đẹp, cô chúc mừng em”. A mỉm cười và nói “Em cảm ơn cô”. Bạn cùng lớp của A “Tớ chúc mừng bạn nhé”. A nói “Tớ cảm ơn bạn.”</td> <td data-bbox="1225 786 1329 1032">Lớp học</td> </tr> <tr> <td data-bbox="425 1032 651 1175">Nói lời xin lỗi khi làm hỏng đồ dùng của bạn</td> <td data-bbox="651 1032 1225 1175">A mượn sách của B và không may làm rách. Khi trả sách cho B A nói “Tớ xin lỗi vì làm rách sách của cậu”. B vui vẻ đáp lại “Không có gì đâu, chỉ cần dán lại là được mà.”</td> <td data-bbox="1225 1032 1329 1175">Trong lớp</td> </tr> <tr> <td data-bbox="425 1175 651 1324">Nói lời xin lỗi khi làm bạn ngã</td> <td data-bbox="651 1175 1225 1324">Trong lúc chạy vào lớp vì muộn giờ học, A đã va vào M làm M ngã, A cúi xuống đỡ M lên và nói “Tớ xin lỗi cậu”. M vui vẻ đáp “Không có gì” và hai bạn vui vẻ với nhau.</td> <td data-bbox="1225 1175 1329 1324"></td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Hoạt động 4: Sử dụng kịch bản đóng vai nói lời cảm ơn và xin lỗi</b></p> <p><i>Nói lời xin lỗi</i>                  Bối cảnh: Các bạn đứng trong nhóm. Một HS vội vàng chạy vào lớp và đã va vào nhóm bạn đang đứng nói chuyện làm mọi người bị ngã. HS chạy vào lớp (HS đóng vai) “<i>Mình xin lỗi vì làm các bạn bị ngã</i>”. HS trong nhóm “<i>Không có gì đâu, lần sau bạn chú ý hơn nhé!</i>” Các HS vui vẻ nói chuyện cùng nhau</p> <p><i>Nói lời cảm ơn</i>                  Bối cảnh: Trong giờ học Ngữ văn, A (HS đóng vai) không biết cách làm bài tập cô giáo yêu cầu, A quay sang hỏi bạn bên cạnh “<i>Bạn có thể hướng dẫn tớ cách làm bài tập này không?</i>” HS bên cạnh vui vẻ nói “<i>Đề tớ giúp bạn</i>” và hướng dẫn A cách làm bài. Khi A đã hiểu cách làm, A mỉm cười nói “<i>Tớ cảm ơn bạn</i>”.</p>	Tình huống	Hình ảnh và âm thanh	Bối cảnh	Giới thiệu video	Cảm ơn là phép lịch sự. Dưới đây là một số tình huống nên nói lời cảm ơn		Khi đạt được kết quả học tập tốt, được thầy cô và bạn bè cùng lớp chúc mừng	Hôm nay A đạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh của trường, thầy cô và bạn bè cùng lớp chúc mừng A. Cô giáo chủ nhiệm nói với A “Bức tranh của em rất đẹp, cô chúc mừng em”. A mỉm cười và nói “Em cảm ơn cô”. Bạn cùng lớp của A “Tớ chúc mừng bạn nhé”. A nói “Tớ cảm ơn bạn.”	Lớp học	Nói lời xin lỗi khi làm hỏng đồ dùng của bạn	A mượn sách của B và không may làm rách. Khi trả sách cho B A nói “Tớ xin lỗi vì làm rách sách của cậu”. B vui vẻ đáp lại “Không có gì đâu, chỉ cần dán lại là được mà.”	Trong lớp	Nói lời xin lỗi khi làm bạn ngã	Trong lúc chạy vào lớp vì muộn giờ học, A đã va vào M làm M ngã, A cúi xuống đỡ M lên và nói “Tớ xin lỗi cậu”. M vui vẻ đáp “Không có gì” và hai bạn vui vẻ với nhau.	
Tình huống	Hình ảnh và âm thanh	Bối cảnh														
Giới thiệu video	Cảm ơn là phép lịch sự. Dưới đây là một số tình huống nên nói lời cảm ơn															
Khi đạt được kết quả học tập tốt, được thầy cô và bạn bè cùng lớp chúc mừng	Hôm nay A đạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh của trường, thầy cô và bạn bè cùng lớp chúc mừng A. Cô giáo chủ nhiệm nói với A “Bức tranh của em rất đẹp, cô chúc mừng em”. A mỉm cười và nói “Em cảm ơn cô”. Bạn cùng lớp của A “Tớ chúc mừng bạn nhé”. A nói “Tớ cảm ơn bạn.”	Lớp học														
Nói lời xin lỗi khi làm hỏng đồ dùng của bạn	A mượn sách của B và không may làm rách. Khi trả sách cho B A nói “Tớ xin lỗi vì làm rách sách của cậu”. B vui vẻ đáp lại “Không có gì đâu, chỉ cần dán lại là được mà.”	Trong lớp														
Nói lời xin lỗi khi làm bạn ngã	Trong lúc chạy vào lớp vì muộn giờ học, A đã va vào M làm M ngã, A cúi xuống đỡ M lên và nói “Tớ xin lỗi cậu”. M vui vẻ đáp “Không có gì” và hai bạn vui vẻ với nhau.															

<p>Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp</p>	<p><b>Hoạt động 5: Bắt đầu và duy trì cuộc hội thoại với hoạt động T.C.H.H (thời điểm, chào, hỏi mào đầu, hỏi tiếp nối)</b></p> <p><b>Thời điểm (T):</b> thời điểm bắt đầu cuộc hội thoại là khi người khác không nói chuyện hoặc tạm dừng cuộc hội thoại của họ</p> <p><b>Chào (C):</b> là câu đầu tiên mà bạn nói với người khác khi bắt đầu một cuộc hội thoại Xin chào.                      Chào bạn.                      Chuyện gì thế?                      Bạn khỏe không?</p> <p><b>Hỏi mào đầu (H):</b> câu hỏi ban đầu là điều đầu tiên để bạn nói với người khác khi bắt đầu cuộc hội thoại về một chủ đề ... của bạn như thế nào?    Bạn thấy ... như thế nào?    Bạn sẽ là .... ?</p> <p><b>Hỏi tiếp nối (H):</b> là câu hỏi bạn hỏi thêm để có thêm thông tin về chủ đề và tiếp tục cuộc hội thoại Ai...?    cái gì...?    Khi nào...?    Cái gì nữa ....?    Ở đâu .....?    Tại sao...?</p> <p><b>Hoạt động 6: Sử dụng “G-KLM” (Giọng vui vẻ, Giao tiếp mắt, Luân phiên nhau, Khoảng cách) khi tham gia cuộc hội thoại</b></p> <p><b>Giọng vui vẻ:</b> sử dụng giọng nói trung bình, vui vẻ khi đang có một cuộc hội thoại. Không hét lên hoặc nói thầm.</p> <p><b>Giao tiếp mắt:</b> Nhìn vào mắt người khác khi đang nói hoặc đang nghe họ.</p> <p><b>Luân phiên lượt:</b> chuyển đổi giữa nói và nghe. Nói luân phiên.</p> <p><b>Giữ khoảng cách:</b> giữ khoảng cách một cánh tay với người khác khi nói chuyện. Không xâm phạm không gian riêng tư của người khác bằng khoảng cách quá gần.</p>
<p>Mở rộng cuộc trò chuyện và giúp đỡ mọi người</p>	<p><b>Hoạt động 7: Mở rộng cuộc hội thoại bằng cách cung cấp thông tin xung quanh điều bạn đang nói đến</b></p> <p>1. Nếu không có ai trò chuyện, nói với mọi người rằng bạn sẽ nói về một chủ đề mới</p> <p>2. Nếu bạn muốn thay đổi chủ đề, hỏi xem bạn có thể nói về những thứ khác không</p> <p>1. Giải thích điều bạn đang nói đến cho người khác hiểu: (1) Nếu bạn đang nói về một người, người đó là ai (bạn, thành viên trong gia đình...); (2) Nếu bạn nói về sự vật, giải thích đó là cái gì (trò chơi, địa danh nổi tiếng, môn thể thao...)</p> <p><b>Hoạt động 8: Giúp đỡ mọi người</b></p> <p>1. Nghĩ về những thuận lợi của việc giúp đỡ người khác: (1) Người khác sẽ giúp bạn nếu bạn giúp đỡ họ; (2) Mọi người thấy bạn giúp đỡ người khác sẽ nghĩ bạn là người tốt và muốn trở thành bạn bè với bạn; (3) Bạn cảm thấy vui vẻ khi bạn giúp đỡ người khác.</p> <p>2. Quan sát dấu hiệu mà người khác cần giúp đỡ: (1) Họ gặp rắc rối trong công việc; (2) Họ gặp khó khăn khi mang vật nặng; (3) Họ bị mất</p>

	<p>một một gì đó mà bạn có thể cho họ mượn; (4) Họ đang cần ai đó nói chuyện hoặc mời họ chơi; (5) Tay họ cầm nhiều đồ và họ không thể mở cửa.</p> <p>3. Nói “Đề tôi giúp bạn” và giúp đỡ họ.</p> <p>4. Nếu họ nói không cần giúp đỡ, hãy để họ một mình.</p> <p>Cần thận đừng giúp đỡ giáo viên nhiều quá khi họ không cần sự giúp đỡ vì những trẻ khác có thể tức giận với bạn vì cô gắng lấy lòng giáo viên</p>
--	--

## 2.3. Kết quả khảo nghiệm, thực nghiệm và bình luận

### 2.3.1. Kết quả khảo nghiệm mức độ cần thiết và mức độ hiệu quả các hoạt động giáo dục KNKB cho học sinh RLPTK

Chúng tôi tiến hành khảo sát 57 GV và 46 CM học sinh RLPTK nhằm đánh giá mức độ tính cần thiết và mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục KNGT. Kết quả như sau:

**Bảng 4. Kết quả khảo sát mức độ cần thiết và mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK**

Hoạt động	Mức độ cần thiết			Mức độ hiệu quả		
	<i>Rất cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>	<i>Rất hiệu quả</i>	<i>Hiệu quả</i>	<i>Không hiệu quả</i>
	<b>M</b>	<b>SD</b>	<b>Thứ bậc</b>	<b>M</b>	<b>SD</b>	<b>Thứ bậc</b>
1. Chủ động bắt đầu cuộc giao tiếp	2.88	0.300	<b>4</b>	2.94	0.194	<b>3</b>
2. Duy trì cuộc giao tiếp	2.71	0.487	<b>8</b>	2.88	0.283	<b>7</b>
3. Nhận biết các tình huống nói lời cảm ơn và xin lỗi	2.77	0.405	<b>7</b>	2.82	0.365	<b>8</b>
4. Sử dụng kịch bản đóng vai nói lời cảm ơn và xin lỗi	2.84	0.342	<b>5</b>	2.89	0.269	<b>6</b>
5. Bắt đầu và duy trì cuộc hội thoại với hoạt động T.C.H.H (thời điểm, chào, hỏi mào đầu, hỏi tiếp nối)	2.78	0.370	<b>6</b>	2.90	0.262	<b>5</b>
6. Sử dụng “G-KLM” (Giọng vui vẻ, Giao tiếp mắt, Luân phiên nhau, Khoảng cách) khi tham gia cuộc hội thoại	2.95	0.171	<b>2</b>	2.95	0.172	<b>2</b>
7. Mở rộng cuộc hội thoại bằng cách cung cấp thông tin xung quanh điều bạn đang nói đến	2.94	0.203	<b>3</b>	2.93	0.183	<b>4</b>
8. Giúp đỡ mọi người	2.96	0.144	<b>1</b>	2.97	0.113	<b>1</b>
<b>Tổng M =</b>	<b>2.85</b>	<b>0.306</b>		<b>2.93</b>	<b>0.230</b>	

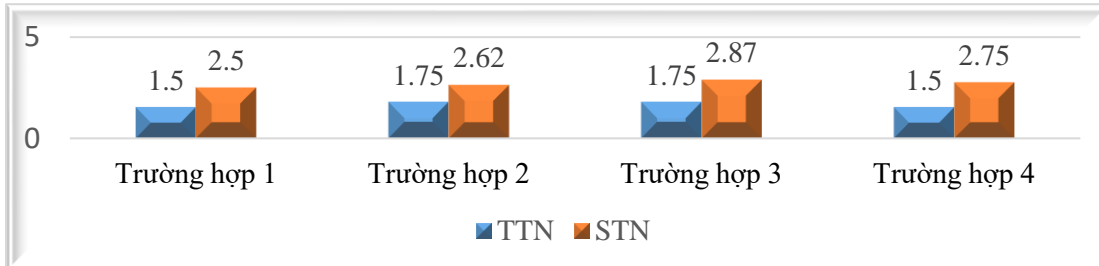
Kết quả Bảng 4 cho thấy phần lớn GV và CM đánh giá các hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK có mức độ cần thiết rất cao (M = 2.96). Điều này thể hiện rằng các hoạt động xây dựng dễ thực hiện đối với phần lớn các GV và phù hợp với các cơ sở giáo dục.

Các GV và CM đều đánh giá cao mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục KNGT, trong đó hoạt động 8 được đánh giá cao nhất (M = 2.97). Các hoạt động còn lại được đánh giá

đều ở mức độ cao. Đây là một trong những thuận lợi cơ bản giúp chúng tôi áp dụng giáo dục KNGT trên học sinh.

### 2.3.2. Kết quả thực nghiệm

Sau hơn 4 tháng tiến hành thực nghiệm hoạt động giáo dục KNGT cho học sinh RLPTK, kết quả cho thấy cả 04 trường hợp học sinh đã có những tiến bộ đáng kể, cụ thể như sau:



Biểu đồ 1. So sánh kết quả mức độ thực hiện KNGT của nhóm 04 học sinh RLPTK trước và STN

Bảng 5. Thống kê các mẫu được kiểm định 04 học sinh RLPTK

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
TH 1	TTN	1.5000	4	.40827	.20410
	STN	2.4500	4	.40827	.2040
TH 2	TTN	1.5000	4	.28889	.14534
	STN	2.6000	4	.25010	.13500
TH 3	TTN	1.5000	4	.49871	.23937
	STN	2.8500	4	.26000	.12600
TH 4	TTN	1.7500	4	.57635	.28869
	STN	2.7500	4	.29868	.14534

Bảng 6. Thống kê các nội dung kiểm định các nội dung KNGT của 04 học sinh RLPTK

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
TH 1	TTN - STN	-9.500	.20410	.2040	-1.74961	-.36039	-4.879	3	.014
TH 2	TTN - STN	-1.1000	.14534	.13500	-1.52283	-.72729	-9.000	3	.004
TH 3	TTN - STN	-1.3500	.23937	.12600	-1.70935	-.79065	-8.660	3	.004
TH 4	TTN - STN	-1.0000	.28869	.14534	-1.70934	-.79066	-8.660	3	.002

**Trường hợp 1:** Học sinh đã chủ động hơn trong quá trình giao tiếp với các bạn, thực hiện chào hỏi bắt đầu hội thoại tự tin hơn. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi giao tiếp với các bạn, em ít sự chủ động và khó khăn khi mở rộng cuộc hội thoại, trao đổi với các bạn. Em rất hào



hứng và vui vẻ, tích cực khi tham gia các hoạt động. Quá trình thực hiện kỹ năng, em khá thụ động, cần nhiều sự hỗ trợ, gợi nhắc từ các giáo viên và bạn bè. Vì vậy, trong quá trình học tập và sinh hoạt, các GV và CM cần đẩy mạnh tương tác, tạo các tình huống, gợi nhắc giúp học sinh thực hiện kỹ năng một cách hiệu quả nhất. Điểm trung bình M TTN = 1.50 và STN có M = 2.45. Điều này cho thấy rằng, học sinh có sự tiến bộ rõ rệt TTN và STN. Giá trị Sig = 0.014 < 0.05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt trung bình các KNGT của TH1 trước và sau thực nghiệm.

**Trường hợp 2:** Học sinh đã có nhiều tiến bộ rõ rệt trong các kỹ năng. Có thể chủ động đưa ra lời chào hỏi, giới thiệu với bạn học cùng lớp, cùng nhau nói về một chủ đề yêu thích. Bên cạnh đó, em gặp khó khăn trong việc phát triển, mở rộng chủ đề và giao tiếp với câu hoàn chỉnh chủ vị. Trong các trường hợp, lời nói giao tiếp của em còn mang tính rập khuôn, cứng nhắc theo một công thức nhất định. Tính chủ động trong giao tiếp chưa cao, vì vậy phần lớn các cuộc giao tiếp cần sự hỗ trợ của các bạn xung quanh. Vì thế, trong thời gian tới cần đẩy mạnh hỗ trợ em thực hiện các kỹ năng này, tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, thống nhất các mục tiêu và phương pháp giáo dục một cách hiệu quả nhằm giúp học sinh tạo ra những chuyển biến tích cực nhất. Điểm trung bình M trước thực nghiệm = 1.5 và STN có M = 2.6. Ta có giá trị Sig = 0.004 < 0.05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt các KNGT của TH2 trước và sau thực nghiệm. Như vậy, em có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.

**Trường hợp 3:** Học sinh chủ động chào hỏi cô khi gặp gỡ. Biết cách bắt chuyện và nói về chủ đề yêu thích. Tuy nhiên, em gặp lúng túng khi muốn kết thúc cuộc hội thoại, khó khăn khi chào tạm biệt. Vì vậy, em thường gây cảm giác hụt hẫng cho những người xung quanh. Em rất thích tương tác và vui chơi với nhóm bạn, vì vậy, đây được xem là môi trường quan trọng và lí tưởng giúp học sinh rèn luyện và ứng dụng các kỹ năng vào thực tế cuộc sống. Điểm trung bình M trước thực nghiệm = 1.50 và STN có M = 2.85. Giá trị Sig = 0.004 < 0.05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt các KNGT của TH3 trước và sau thực nghiệm. Như vậy, em có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.

**Trường hợp 4:** Học sinh đã bước đầu chủ động và giao tiếp khá tự tin với các bạn xung quanh. Em đã chủ động bắt chuyện với các bạn cùng lớp và rủ các bạn chơi cùng mình trong trò chơi. Bên cạnh đó, các GV và CM cần đẩy mạnh tổ chức các hoạt động trong mọi tình huống thích hợp của cuộc sống nhằm giúp các em ôn luyện các kỹ năng một cách hiệu quả nhất. Cần nâng cao vai trò của nhóm bạn, phân công các học sinh hỗ trợ và tích cực giao tiếp, tương tác nhằm giúp học sinh tích lũy kỹ năng và ghi nhớ trong các lần thực hiện. Điểm trung bình M trước thực nghiệm = 1.75 và STN có M = 2.75. Giá trị Sig = 0.002 < 0.05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt các KNGT của trường hợp 4 trước và STN. Học sinh có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.

### **3. Kết luận**

Học sinh RLPTK cấp THCS gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện kỹ năng giao tiếp. Điều này khiến các em khó kết bạn, thường rơi vào trạng thái cô đơn, ảnh hưởng lớn đến tâm lí của các em. Nghiên cứu đã xây dựng 8 hoạt động giáo dục KNGT dựa trên 4 nội dung giáo dục. Đây là điều kiện quan trọng giúp các học sinh có thể nắm được cách thức thực hiện từng kỹ năng, thực hành kỹ năng trong cuộc sống hằng ngày, là cơ sở quan trọng giúp học sinh hòa nhập xã hội một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, các lực lượng trong nhà trường và gia đình cần tiến hành vận dụng linh hoạt, thường xuyên, phối kết hợp các hoạt động nhằm mang lại hiệu quả tích cực nhất trong quá trình giáo dục. Tiến hành thực hiện 08 hoạt động trong giờ nhóm và cá nhân đã giúp các học sinh đạt được kết quả khả quan Trong bảng kết quả, chưa thấy rõ những kết quả của hoạt động GD nhóm và cá nhân. Kết quả cho thấy, điểm trung bình các hoạt động trước và sau thực nghiệm tăng từ M = 1.5 lên M = 2.85.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ip, H. H., Wong, S. W., Chan, D. F., Byrne, J., Li, C., Yuan, V. S., ... & Wong, J. Y. (2018). Enhance emotional and social adaptation skills for children with autism spectrum disorder: A virtual reality enabled approach. *Computers & Education, 117*, 1-15.
- [2] Osos, J. A., Plavnick, J. B., & Avedaño, S. M. (2021). Assessing video enhanced activity schedules to teach social skills to children with autism spectrum disorder. *Journal of Autism and Developmental Disorders, 51*(9), 3235-3244.
- [3] Hart, J. E., & Whalon, K. J. (2011). Creating social opportunities for students with autism spectrum disorder in inclusive settings. *Intervention in School and Clinic, 46*(5), 273-279.
- [4] Watkins, L., Kuhn, M., Ledbetter-Cho, K., Gevarter, C., & O'Reilly, M. (2017). Evidence-based social communication interventions for children with autism spectrum disorder. *The Indian Journal of Pediatrics, 84*(1), 68-75.
- [5] Ramdoss, S., Lang, R., Mulloy, A., Franco, J., O'Reilly, M., Didden, R., & Lancioni, G. (2011). Use of computer-based interventions to teach communication skills to children with autism spectrum disorders: A systematic review. *Journal of Behavioral Education, 20*(1), 55-76
- [6] Corona, L. L., Fox, S. A., Christodulu, K. V., & Worlock, J. A. (2016). Providing education on sexuality and relationships to adolescents with autism spectrum disorder and their parents. *Sexuality and Disability, 34*(2), 199-214.
- [7] Nguyễn Xuân Hải, Hoàng Văn Tiến, Nguyễn Nữ Tâm An (chủ biên), Trần Văn Công, Hồ Thị Huyền Thương, Đỗ Thị Thảo, Nguyễn Thị Hoa, Hoàng Thị Lệ Quyên, Phan Thiệu Xuân Giang (2019), *Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỷ tại Việt Nam* (tài dành cho cán bộ và kỹ thuật viên can thiệp), NXB ĐHQG, Hà Nội
- [8] Prizant, B. M., Wetherby, A. M., Rubin, E., & Laurent, A. C. (2003). The SCERTS model: A transactional, family-centered approach to enhancing communication and socioemotional abilities of children with autism spectrum disorder. *Infants & Young Children, 16*(4), 296-316.
- [9] Shukla-Mehta, S., Miller, T., & Callahan, K. J. (2010). Evaluating the effectiveness of video instruction on social and communication skills training for children with autism spectrum disorders: A review of the literature. *Focus on Autism and Other Developmental Disabilities, 25*(1), 23-36.
- [10] Muharib, R., Alzrayer, N. M., Wood, C. L., & Voggt, A. P. (2019). Backward chaining and speech-output technologies to enhance functional communication skills of children with autism spectrum disorder and developmental disabilities. *Augmentative and Alternative Communication, 35*(4), 251-262
- [11] Hanley, G. P., Iwata, B. A., & Thompson, R. H. (2001). Reinforcement schedule thinning following treatment with functional communication training. *Journal of Applied Behavior Analysis, 34*, 17-38,
- [12] and Adolescents with Asperger Syndrome and Social-Communication Problems
- [13] Myles, B.S., & Simpson, R.L. (2001). Effective practices for students with Asperger Syndrome. *Focus on Exceptional Children, 34* (3), 1-14.
- [14] Sue, S. (2002). Inclusive Education Where There Are Few Resources. *Atlas Alliance*.

## **ABSTRACT**

### **Clarity in social intelligence of secondary school students developing communicative skills for children with autism spectrum disorders learning in inclusive middle schools**

Do Thi Thao<sup>1</sup>, Quach Huyen Tram<sup>2</sup>, Do Thi Trang<sup>3</sup>, Tran Thi Bich Ngoc<sup>1</sup>,  
Nguyen Hoai Thuong<sup>4</sup> và Nguyen Cong Khanh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Faculty of Special Education, Hanoi National University of Education*

<sup>2</sup>*K68, Faculty of Special Education, Hanoi National University of Education*

<sup>3</sup>*Master K30 Faculty of Special Education, Hanoi National University of Education*

<sup>4</sup>*Institute of Technology Development for Special Education*

Due to struggle finding in the communication of students with autism spectrum disorders (ASD) learning in inclusive middle schools, those children have performed significant limitations in initiate a greeting, interaction, and a dialogue with their peers. Those difficulties greatly become barriers to the learning process as well as the integration of students. The article is aimed to provide research results in developing communication of children with ASD through setting up 08 educational activities of a 4-step procedure to apply communicative skills as follows: (1) Actively and maintaining communication with people; (2) Recognizing and handling situations of saying thank you and sorry; (3) Adhere to basic principles of communication; (4) Expand the conversation and help people. 2 educational activities on instructing children with ASD to implement each step in one skill were developed to model each step of the communicative skill application procedure. The results showed a significant improvement in students' skill performance by mean score increasing from  $M = 1.5$  to  $M = 2.85$ .

**Keywords:** inclusive education, communicative skills, conversation skills, autism spectrum disorders, Inclusive at Junior High School